

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4514/SCT-KHTCTH
Vv Chấp nhận đăng ký hợp
đồng theo mẫu

Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2023

Kính gửi: Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị

Căn cứ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Nghị định số 99/2011/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các văn bản pháp luật có liên quan.

Sau khi xem xét hồ sơ mã số: H26.2 - 230817 - 0003 tiếp nhận ngày 17 tháng 8 năm 2023 về việc đăng ký hợp đồng theo mẫu dịch vụ cấp nước của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị, Sở Công Thương Hà Nội thông báo:

1. Chấp nhận đăng ký hợp đồng theo mẫu của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị theo pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

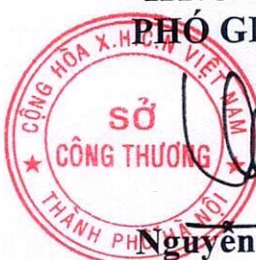
2. Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị chịu trách nhiệm tuân thủ hợp đồng theo mẫu đã được chấp nhận đăng ký; tuân thủ quy định pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quy định pháp luật có liên quan khi bổ sung các nội dung để trống; hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật khi xảy ra các tranh chấp do không tuân thủ đúng hợp đồng theo mẫu đã đăng ký tại Sở Công Thương và quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

3. Trong trường hợp thay đổi nội dung của hợp đồng theo mẫu, đề nghị Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị thực hiện thủ tục đăng ký lại theo đúng quy định.

Sở Công Thương Hà Nội thông báo để Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Giám đốc Sở (để b/cáo);
- Lưu: VT, KHTCTH (TVH).

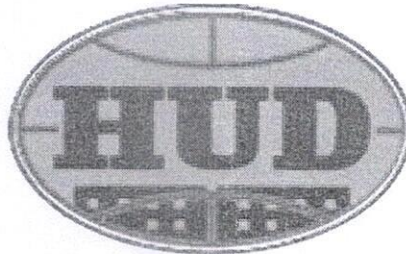
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thế Hiệp

Mẫu đăng ký tại SCTNN.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----*****-----



HUD S

**HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ
CUNG CẤP NƯỚC SINH HOẠT**

Số:...../...../HDDVCN

Bên mua:.....

Địa chỉ:.....

Mã số khách hàng:

Mã số điểm dùng:

Địa chỉ đơn vị cấp nước: Đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ CUNG CẤP NƯỚC SINH HOẠT

Căn cứ:

- Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Thông tư số 44/2021/ TT-BTC ngày 18/6/2021 quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt;
- Quyết định số 3541/QĐ-UBND ngày 07/7/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án điều chỉnh giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hà Nội.
- Các văn bản hiện hành của Nhà nước và UBND thành phố Hà Nội về việc cung cấp sử dụng nước sạch; Bảo vệ nguồn nước, các công trình khai thác, sản xuất cấp nước trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Khả năng cung cấp và nhu cầu sử dụng nước của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm tại địa chỉ, chúng tôi gồm:

I. BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ (Sau đây gọi tắt là "**Bên A**"):

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ NHÀ Ở VÀ KHU ĐÔ THỊ

Địa chỉ trụ sở chính: Đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 0243 6412141

Email: huds@hn.vnn.vn

Mã số thuế: 0101042990

Tài khoản số: 21310000001554 tại Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội.

Đại diện: Ông Trần Quốc Hưng

Chức vụ: Phó Giám đốc

(Theo giấy ủy quyền số: /UQ-HUDS ngày: / /2023 của Giám đốc Công ty TNHH một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị).

II. KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG NƯỚC (Sau đây gọi là "**Bên B**"): Mã khách hàng:

Tên chủ hộ/cơ quan/tổ chức:

Hoặc người được ủy quyền.....

Số CMND/CCCD (theo giấy ủy quyền số):.....cấp ngày...../...../.....tại.....

Địa chỉ trụ sở/ hộ khẩu thường trú:.....

Địa chỉ sử dụng nước:.....

Mã số thuế:.....

Điện thoại:.....Email:.....

(Bên A và Bên B được gọi riêng là "**Bên**" và được gọi chung là "**các Bên**").

Các bên cùng nhau thỏa thuận thống nhất ký kết Hợp đồng dịch vụ cung cấp nước sinh hoạt ("**Hợp đồng**") với những nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng của Hợp đồng

Bên A đồng ý bán cho Bên B nước sạch đảm bảo chất lượng theo khả năng, điều kiện cấp nước hiện có của Bên A trong khu vực có địa chỉ sử dụng nước của Bên B theo các quy định hiện hành của pháp luật và của Hợp đồng này. Cụ thể như sau:

- 1.1 Địa chỉ sử dụng nước:.....
- 1.2 Khách hàng sử dụng nước tại thời điểm ký hợp đồng:
- 1.3 Thiết bị đo đếm nước: Việc đo đếm nước được thực hiện bằng đồng hồ đo nước loại..... Số Series..... (Sau đây gọi tắt là “Đồng hồ đo nước”).

Điều 2. Điều kiện chất lượng dịch vụ

- 2.1 Bên A đảm bảo cung cấp nguồn nước sạch sinh hoạt với chất lượng theo các quy chuẩn do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định đến đồng hồ cấp cho Bên B và phù hợp với khả năng cung cấp của hệ thống cấp nước hiện có.
- 2.2 Khi có sự cố hoặc có phản ánh của Bên B về chất lượng nước sạch được cung cấp, Bên A có trách nhiệm kiểm tra hệ thống cấp nước trước đồng hồ. Việc tổ chức khắc phục sự cố xảy ra sau đồng hồ nước do Bên B thực hiện.

Điều 3. Giá nước sạch

- 3.1 Giá nước sạch áp dụng theo biểu giá được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt theo từng thời điểm dựa trên nguyên tắc giá bán lẻ nước sạch sinh hoạt phân biệt theo các nhóm khách hàng sử dụng nước, khách hàng thuộc nhóm nào thì tính giá theo quy định của nhóm đó.
- 3.2 Khi có quyết định điều chỉnh giá nước sạch, Bên A sẽ có trách nhiệm thông báo cho Bên B biểu giá nước sạch mới và thời điểm bắt đầu áp dụng ngay khi có Quyết định điều chỉnh giá nước sạch của UBND Thành phố Hà Nội.
- 3.3 Trong trường hợp giá cung cấp nước theo quy định tại khoản 3.1 có sự thay đổi mà tại thời điểm có hiệu lực của giá cung cấp nước mới đó, các bên chưa chốt được chỉ số của đồng hồ đo nước thì:
 - Tiền nước Bên B phải thanh toán cho Bên A trong khoảng thời gian từ ngày chốt chỉ số đồng hồ đo nước liền trước đến ngày có hiệu lực của giá cung cấp nước mới được tính theo giá cung cấp nước trước khi thay đổi và khối lượng nước tiêu thụ trong khoảng thời gian này (được tính theo khối lượng nước tiêu thụ trung bình của một ngày trong kỳ chốt nước đó).
 - Tiền nước Bên B phải thanh toán cho Bên A trong khoảng thời gian từ ngày có hiệu lực của giá cung cấp nước mới đến ngày chốt chỉ số đồng hồ đo nước liền sau được tính theo giá cung cấp nước mới và khối lượng nước tiêu thụ trong khoảng thời gian này (được tính theo khối lượng nước tiêu thụ trung bình của một ngày trong kỳ chốt nước đó).
- 3.4 Hàng tháng, Bên B thanh toán cho Bên A tiền nước theo khối lượng nước tiêu thụ được xác định dựa trên chỉ số của đồng hồ đo nước.

Trường hợp Bên B sử dụng nước trong thời gian đồng hồ đo nước bị mất, hỏng, chạy không chính xác hoặc ngừng hoạt động do sự cố kỹ thuật hoặc lý do khách quan thì tiền nước phải thanh toán trong thời gian bị mất, hỏng, sửa chữa, thay thế đồng hồ được tính theo lượng nước tiêu thụ bình quân ngày của 03 (ba) tháng liền kề trước đó nhân với số ngày thực tế sử dụng nước không qua đồng hồ đo nước. Số ngày thực tế sử dụng nước được tính từ ngày ghi chỉ số gần nhất đến ngày đồng hồ đo nước được phục hồi hoạt động.
- 3.5 Các khoản phí dịch vụ: Các bên thống nhất rằng, trong thời gian thực hiện Hợp đồng nếu phát sinh các khoản phí theo quy định của Nhà nước liên quan đến việc cung cấp nước theo Hợp đồng này, Bên A sẽ thông báo cho Bên B 30 (ba mươi) ngày trước khi áp dụng.

Điều 4. Phương thức thanh toán

- 4.1 Ngày ghi chỉ số: Bên A sẽ tiến hành ghi chỉ số đồng hồ đo nước vào ngày cuối tháng, có thể dịch chuyển ngày ghi chỉ số trước hoặc sau một ngày (“Ngày ghi chỉ số”), trừ trường hợp bất khả kháng. Nếu trong trường hợp thay đổi lại ngày ghi chỉ số hàng tháng, Bên A sẽ thông báo trước cho Bên B..

- 4.2 Bên B thanh toán tiền nước đã sử dụng (bao gồm cả phí thoát nước thải theo quy định của UBND TP Hà Nội) bằng tiền Đồng Việt Nam theo hóa đơn/Biên nhận thu tiền nước do Bên A phát hành (bao gồm thuế, phí theo quy định của Nhà nước) và các khoản phí dịch vụ phát sinh (nếu có) một tháng một lần ngay khi nhận được hóa đơn/thông báo của Bên A.
- 4.3 Hình thức thông báo thanh toán và thông báo khác: một trong các hình thức sau: Thư (thư chuyển phát nhanh, thư bảo đảm); thư điện tử; điện thoại (gọi trực tiếp, gửi tin nhắn, thông báo qua zalo, Viber...); giao trực tiếp.
- Vào ngày gửi trong trường hợp thư giao tận tay và có chữ ký của người nhận thông báo;
 - Vào ngày bên gửi nhận được thông báo đã chuyển vào số điện thoại của bên nhận thành công trong trường hợp gửi thông báo bằng điện thoại;
 - Vào ngày thứ 03 (ba), kể từ ngày đóng dấu bưu điện trong trường hợp gửi thông báo bằng thư chuyển phát nhanh;
 - Vào ngày bên gửi thư điện tử (Email) cho bên nhận
- 4.4 Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Bên A được ghi ở phần đầu Hợp đồng hoặc tài khoản được nêu dưới đây:
 Đơn vị thụ hưởng:.....
 Số tài khoản.....tại:
- 4.5 Thời hạn thanh toán: Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày Bên A thông báo lần đầu.
- 4.6 Bên B chậm trả tiền nước quá 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày nhận được thông báo thanh toán lần đầu thì phải trả cả tiền lãi của khoản tiền chậm trả cho Bên A theo lãi suất cho vay cao nhất của Ngân hàng mà Bên A có tài khoản ghi trong Hợp đồng này tại thời điểm thanh toán. Thời điểm thanh toán được xác định là thời điểm Bên B trả đủ số tiền theo hóa đơn của Bên A phát hành.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

5.1 Quyền của Bên A

- 5.1.1 Được vào khu vực quản lý của Bên B để kiểm tra và thực hiện các nghiệp vụ cấp nước như sau: Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất với hệ thống cấp nước và sử dụng nước, thao tác bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế đồng hồ nước; Kiểm tra mục đích sử dụng nước, nhóm khách hàng sử dụng nước của Bên B theo Hợp đồng; Được thay đổi cỡ đồng hồ khi khối lượng và chế độ nước tiêu thụ của Bên B không còn phù hợp với cỡ đồng hồ đang sử dụng.
- 5.1.2 Yêu cầu Bên B thanh toán tiền nước và các chi phí liên quan khác đúng thời hạn quy định và khắc phục các trở ngại để thực hiện việc ghi đọc đồng hồ, thu tiền nước và kiểm tra hệ thống cấp nước.
- 5.1.3 Tạm ngừng dịch vụ cấp nước khi thuộc một trong các trường hợp:
- Tạm ngừng phục vụ công tác duy tu, sửa chữa định kỳ, sự cố và các trường hợp bất khả kháng.
 - Theo yêu cầu bằng văn bản của Bên B vì các lý do hợp lý như tạm vắng, tạm dừng sản xuất, kinh doanh trong một thời gian nhất định nhưng không chấm dứt Hợp đồng dịch vụ cấp nước.
 - Tạm ngừng cấp nước khi Bên B có hành vi xâm hại đến danh dự, thân thể cán bộ nhân viên Bên A và uy tín của Bên A.
- Việc cấp nước trở lại theo quy định tại tiết b) điểm 5.1.3 Điều này chỉ được thực hiện khi Bên B có văn bản yêu cầu; đối với tiết c) khoản 5.1.3 Điều này thì việc cấp nước trở lại chỉ được thực hiện khi Bên B đã khắc phục các lỗi vi phạm, mọi vướng mắc đã được giải quyết xong và Bên B có nhu cầu tiếp tục sử dụng nước. Mọi chi phí phát sinh cho việc đóng, mở nước (nếu có) trong các trường hợp nêu trên do Bên B chi trả theo tính toán của Bên A và theo quy định hiện hành của pháp luật.
- 5.1.4 Ngừng thực hiện dịch vụ cấp nước khi thuộc một trong các trường hợp sau:
- Do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp này, việc ngừng cấp nước được thực hiện ngay khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- b) Theo yêu cầu bằng văn bản của Bên B.
 - c) Bên B không phát sinh sử dụng nước quá 02 (hai) tháng mà không thông báo với Bên A.
 - d) Ngừng cấp nước ngay khi phát hiện Bên B có các hành vi xâm hại đến hệ thống cấp nước, hoặc Bên B có hành vi gian lận trong khi sử dụng nước, làm sai lệch hệ thống đo đếm của đồng hồ.
 - e) Bên B vi phạm thời hạn thanh toán tiền nước hoặc các nghĩa vụ đã cam kết trong Hợp đồng này.
- Đối với khách hàng sử dụng nước thuộc nhóm hộ dân cư sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt: ngừng cấp nước nếu Bên B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nước, vi phạm các quy định của Hợp đồng sau 05 tuần kể từ khi có thông báo lần đầu đến Bên B về việc ngừng cấp nước.
- Trường hợp Bên B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nước do những lý do khách quan và đã thông báo cho Bên A bằng văn bản những lý do trên, việc ngừng dịch vụ cấp nước được thực hiện sau 10 tuần kể từ khi có thông báo của Bên A về việc ngừng cấp nước.
- Đối với các nhóm khách hàng sử dụng nước khác: ngừng cấp nước nếu Bên B vi phạm các quy định của Hợp đồng sau 15 ngày làm việc kể từ khi có thông báo lần đầu của Bên A về việc ngừng dịch vụ cấp nước.
- Trường hợp ngừng cấp nước thuộc tiết b), c), d), e) tại điểm 5.1.4 khoản 5.1 Điều này, việc cấp nước trở lại chỉ được thực hiện khi mọi vướng mắc đã được giải quyết xong, Bên B đã khắc phục các lỗi vi phạm và có nhu cầu đầu nối lại, mọi chi phí phát sinh cho việc tái lập dịch vụ cấp nước do Bên B chi trả theo tính toán của Bên A và theo quy định hiện hành của pháp luật.

5.2 Nghĩa vụ của Bên A

- 5.2.1 Cung cấp nước sạch đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn quy định.
- 5.2.2 Thực hiện việc kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ hệ thống cấp nước.
- 5.2.3 Ghi chỉ số đồng hồ đo nước và thông báo lượng nước đã sử dụng, số tiền phải thanh toán hàng tháng cho Bên B biết.
- 5.2.4 Tiếp nhận và có biện pháp giải quyết kịp thời khi Bên B có thông báo các sự cố về chất lượng nước hoặc các văn bản khiếu nại về đồng hồ đo nước.
- 5.2.5 Thông báo cho Bên B trước 24 giờ khi tạm dừng cung cấp nước để phục vụ công tác sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng định kỳ, trừ trường hợp xảy ra sự cố đột xuất.
- 5.2.6 Thông báo cho Bên B các quy định mới liên quan đến việc cung cấp, sử dụng nước, thay đổi giá nước.
- 5.2.7 Các nghĩa vụ khác được nêu trong hợp đồng này.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

6.1 Quyền của Bên B

- 6.1.1 Yêu cầu Bên A cung cấp nước sạch đảm bảo về chất lượng theo nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng; kiểm tra chất lượng nước sạch, tính chính xác của đồng hồ đo nước và khắc phục các sự cố gây ảnh hưởng đến việc cung cấp dịch vụ cấp nước cho Bên B.
- 6.1.2 Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin liên quan đến việc cung cấp nước và thay đổi giá nước.
- 6.1.3 Kiểm tra, giám sát việc ghi chỉ số đồng hồ đo nước của Bên A.
- 6.1.4 Yêu cầu Bên A tạm ngừng dịch vụ cấp nước trong một thời gian nhất định, Bên B phải trả các chi phí phát sinh về việc đóng, mở nước cho Bên A.

6.2 Nghĩa vụ của Bên B

- 6.2.1 Thanh toán tiền nước và các chi phí liên quan đầy đủ, đúng thời hạn theo Điều 3, Điều 4 của Hợp đồng này. Trường hợp Bên B có khiếu nại đang chờ Bên A hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết, Bên B vẫn phải thanh toán đầy đủ tiền nước theo hóa đơn do Bên A phát hành. Sau khi có kết quả giải quyết khiếu nại, các bên sẽ điều chỉnh việc thanh toán theo quy định.

- 6.2.2 Sử dụng nước sạch đúng nhóm khách hàng đã đăng ký. Khi có thay đổi về nhóm khách hàng sử dụng nước, Bên B phải thông báo cho Bên A để áp lại giá cung cấp nước theo quy định.
- 6.2.3 Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ Bên A thực hiện ghi, đọc đồng hồ nước, thu tiền nước, kiểm tra việc sử dụng nước và sửa chữa, bảo dưỡng mạng lưới cấp nước.
- 6.2.4 Kịp thời thông báo cho Bên A khi phát hiện các sự cố về chất lượng nước, hoặc các sự cố về đồng hồ đo nước và hệ thống cấp nước.
- 6.2.5 Bên B có trách nhiệm bảo vệ nguyên trạng hệ thống cấp nước, đường ống, thiết bị cấp nước sạch, đồng hồ đo nước và các kẹp chì niêm phong đã được Bên A lắp đặt theo đúng quy định, hướng dẫn của Bên A và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 6.2.6 Thông báo ngay cho Bên A biết nếu đồng hồ đo nước bị mất, hỏng, vỡ, kẹt, mờ, đứt dấu hiệu niêm phong kẹp chì, chạy không chính xác... và các thiết bị khác hỗ trợ cho việc cung cấp nước để Bên A kịp thời xử lý. Trường hợp các lỗi trên do Bên B gây ra, Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại, mức bồi thường bằng giá trị bù đắp phần đã mất, hỏng và toàn bộ các chi phí để tái lập lại việc cung cấp nước theo quy định.
- 6.2.7 Bên B không được tự ý: đục phá, di chuyển, tháo gỡ, nâng hạ, thay đổi vị trí, thay đổi kích cỡ, chủng loại, điều chỉnh đồng hồ đo nước. Trường hợp Bên B muốn di chuyển đồng hồ đo nước sang vị trí khác so với vị trí lắp đặt ban đầu của Bên A thì phải được Bên A đồng ý trước bằng văn bản và Bên B phải chịu toàn bộ các chi phí liên quan đến việc di chuyển đồng hồ đo nước.
- 6.2.8 Không được tự ý sửa chữa hoặc thay đổi hệ thống ống dẫn trước đồng hồ đo nước (thuộc thẩm quyền quản lý của Bên A); Không được sử dụng máy bơm hút nước trực tiếp từ hệ thống cấp nước của Bên A; Không được bơm nguồn nước khác ngược vào hệ thống cấp nước của Bên A; Không xây các công trình đè lên đồng hồ đo nước, hệ thống đường ống từ phía ngoài đồng hồ đo nước; Không được đầu nối thêm đường nước; Không được gây trở ngại cho Bên A thực hiện quyền quản lý, kiểm tra và khai thác trên hệ thống cấp nước của Bên A.
- 6.2.9 Chịu trách nhiệm về khối lượng nước thất thoát, rò rỉ sau đồng hồ đo nước. Khi có sự cố, hai bên cùng nhau phối hợp khắc phục, đảm bảo cấp nước an toàn, liên tục.
- 6.2.10 Không được gây trở ngại cho Bên A thực hiện quyền quản lý, kiểm tra và khai thác trên hệ thống cấp nước của Bên A.
- 6.2.11 Thực hiện nghiêm chỉnh các nghĩa vụ khác nêu trong hợp đồng này và các quy chế về quản lý, sử dụng nước sạch theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Sửa đổi, thay thế Hợp đồng

- 7.1 Khi có mẫu Hợp đồng mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Bên A sẽ thông báo cho Bên B và hai Bên có trách nhiệm thực hiện.
- 7.2 Trong trường hợp Bên B chuyển giao quyền sử dụng đồng hồ đo nước cho khách hàng khác:
- 7.2.1 Trước khi chuyển giao quyền sử dụng 30 (Ba mươi) ngày, Bên B phải thông báo với Bên A bằng văn bản đề nghị thanh lý hợp đồng đã ký kết, thanh toán các khoản tồn đọng và ký kết lại Hợp đồng dịch vụ cung cấp nước sinh hoạt với khách hàng mới sử dụng nước tiếp theo.
- 7.2.2 Trường hợp Bên B không thực hiện theo điểm 7.2.1 khoản 7.2 Điều này thì khách hàng mới sử dụng nước tiếp theo phải thanh toán các khoản nợ còn tồn đọng và ký kết lại Hợp đồng dịch vụ cấp nước với Bên A trong thời gian 30 (Ba mươi) ngày.
- 7.2.3 Khi có thay đổi chủ sở hữu tại địa chỉ sử dụng nước mà bên sở hữu hiện tại có yêu cầu, Bên A sẽ căn cứ các hồ sơ pháp lý có liên quan để ký lại hợp đồng mới. Trong trường hợp này, Hợp đồng dịch vụ cấp nước cũ đương nhiên hết hiệu lực.
- 7.3 Nếu một trong hai Bên có thông báo bằng văn bản về bổ sung, thay đổi các thông tin, điều khoản khác có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng này thì hai bên thỏa thuận bằng biên bản, phụ lục hợp đồng hoặc ký kết lại hợp đồng.
- 7.4 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Chấm dứt Hợp đồng

- 8.1 Hợp đồng này chấm dứt khi phát sinh một trong các trường hợp sau:

- a) Bên A không còn điều kiện cấp nước.
 - b) Bên B không còn nhu cầu sử dụng nước và đề nghị chấm dứt hợp đồng;
 - c) Bên B không sử dụng nước liên tục 06 (sáu) tháng mà không thông báo cho Bên A tạm ngừng dịch vụ.
 - d) Bên B vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nước theo quy định tại điểm 5.1.4 khoản 5.1 Điều 5 Hợp đồng này, các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng hoặc vi phạm những quy định hiện hành khác về cung cấp, sử dụng nước.
 - e) Bên B là pháp nhân bị giải thể hoặc phá sản hoặc là cá nhân bị chết, tuyên bố là đã chết hoặc mất tích mà không có người thừa kế toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của Bên B theo Hợp đồng.
 - f) Nhà, đất tại địa chỉ sử dụng nước của Bên B bị giải tỏa, di dời toàn bộ theo quyết định của cơ quan chức năng.
 - g) Hai bên thỏa thuận thanh lý và chấm dứt hợp đồng;
- 8.2 Khi Hợp đồng chấm dứt, việc mua bán nước giữa các bên không còn hiệu lực. Bên A ngừng cung cấp nước hoàn toàn. Nếu Bên B có nhu cầu sử dụng nước trở lại phải làm thủ tục lắp đặt và ký Hợp đồng mới sau khi giải quyết xong các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện Hợp đồng này với Bên A.

Điều 9. Giải quyết tranh chấp và vi phạm Hợp đồng

- 9.1 Bên A có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên B trong trường hợp sau: Ghi sai chỉ số nước, tính sai tiền nước dẫn đến thu tiền nước nhiều hơn số tiền nước khách hàng phải trả. Trường hợp này, Bên A phải hoàn trả cho Bên B khoản tiền thừa bao gồm cả tiền lãi của khoản tiền thu thừa nếu thời điểm hoàn trả sau 01 (một) tháng so với thời điểm đã thu thừa tiền nước, lãi suất tính theo lãi suất cho vay cao nhất của Ngân hàng nơi Bên A mở tài khoản tại thời điểm bồi thường.
- 9.2 Bên B có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên A trong các trường hợp sau:
- 9.2.1 Khi kết quả kiểm định đồng hồ đo nước (theo yêu cầu của Bên B) mà độ sai số của đồng hồ đo nước vẫn nằm trong giới hạn cho phép thì Bên B phải chịu chi phí kiểm định và các chi phí liên quan.
- 9.2.2 Sử dụng nước sai nhóm khách hàng đã đăng ký gây thiệt hại cho Bên A, mức bồi thường bằng khoản tiền chênh lệch trong thời gian vi phạm cộng với lãi suất cho vay cao nhất của Ngân hàng Bên A có tài khoản đối với khoản tiền chênh lệch đó tại thời điểm bồi thường.
- 9.2.3 Tại địa chỉ sử dụng nước của Bên B nếu có hành vi trộm cắp, bán lại nước sạch dưới mọi hình thức, ngoài việc bị xử lý theo quy định của pháp luật, Bên B còn phải bồi thường thiệt hại cho Bên A, trong đó mức bồi thường giá trị lượng nước bị lấy cắp được tính theo đơn giá nước sạch cao nhất tại thời điểm vi phạm.
- 9.3 Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng này và nghiêm chỉnh thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về cung cấp và sử dụng nước. Trường hợp phát sinh tranh chấp, các Bên ưu tiên giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần thiện chí, đảm bảo quyền lợi của nhau. Nếu thương lượng không thành thì một trong các Bên có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Sự kiện bất khả kháng

- 10.1 Sự kiện bất khả kháng: Là những sự kiện mang tính khách quan, nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên và gây ảnh hưởng trực tiếp đến việc cấp nước của Bên A và nhận nước của Bên B, bao gồm thiên tai, bão, động đất, sét, hỏa hoạn, hạn hán, lũ lụt, ô nhiễm nguồn nước, sự cố môi trường, sự cố tuyến ống hoặc các hiện tượng tự nhiên khác, chiến tranh, xung đột vũ trang, cấm vận, bạo động, nổi loạn khủng bố hay phá hoại, dịch bệnh, bãi công, đình công, lãn công, giải phóng mặt bằng hay các hoạt động ngừng trệ công việc không phải do lỗi của một trong hai Bên gây ra, hoặc do Bên thứ ba gây nên sự cố nước mà Bên A không thể lường trước được hoặc không thể kiểm soát được.

- 10.2 Ngay sau khi phát hiện ra sự kiện bất khả kháng, các bên phải thông báo cho nhau biết để phối hợp khắc phục.
- 10.3 Các Bên sẽ không phải chịu trách nhiệm hoặc không bị coi là vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc có lỗi do không thực hiện hoặc chậm trễ trong việc thực hiện, tuân thủ các nghĩa vụ tương ứng của mình theo Hợp đồng khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Điều 11. Các thỏa thuận khác

- 11.1 Đồng hồ đo nước được xem là vẫn chạy chính xác nếu kết quả kiểm tra, kiểm định có sai số không vượt quá giới hạn cho phép $\pm 5\%$ lượng nước thực tế qua đồng hồ đo nước.
- 11.2 Khi đồng hồ đo nước có sai số vượt quá giới hạn cho phép, Bên A sẽ thay đồng hồ đo nước mới và đồng thời các Bên tính toán lại số tiền nước đã thu tương ứng với số lượng nước chạy sai của đồng hồ đo nước tính từ thời điểm lượng nước sử dụng tăng giảm đột biến so với mức tiêu thụ bình quân trước đó trong kỳ hóa đơn gần nhất.
- 11.3 Bên B sử dụng nước sạch không đúng với nhóm khách hàng đã đăng ký, Bên A sẽ tính tiền sử dụng nước theo nhóm khách hàng mới, và truy thu (nếu có) kể từ ngày Bên B thay đổi nhóm khách hàng.

Điều 12. Điều khoản chung

- 12.1 Toàn bộ nội dung được ghi nhận trong Hợp đồng này được hiểu và áp dụng theo các quy định của pháp luật Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong Hợp đồng này sẽ được hai Bên thống nhất thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp các quy định của pháp luật liên quan có thay đổi, hai Bên thực hiện hợp đồng theo tinh thần của văn bản pháp luật có hiệu lực mới nhất. Mọi dẫn chiếu liên quan đến bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung và thay thế văn bản đó.
- 12.2 Hợp đồng này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký cho đến khi chấm dứt Hợp đồng. Trong thời gian thực hiện, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung đã ký trong Hợp đồng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia biết trước 15 (mười lăm) ngày để cùng giải quyết; Các văn bản mang tính thỏa thuận, thống nhất hoặc thông báo được chấp nhận giữa hai bên trong quá trình sử dụng nước được coi là phụ lục kèm theo Hợp đồng này;
- 12.3 Hợp đồng này sẽ tự động được gia hạn và không hạn chế số lần gia hạn với thời hạn của mỗi lần gia hạn là 01 (một) năm, trừ trường hợp một trong các Bên có thông báo gửi Bên còn lại về việc không muốn gia hạn Hợp đồng hoặc Bên A có thông báo về việc ký kết Hợp đồng dịch vụ cấp nước mới.
- 12.4 Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản để làm cơ sở thực hiện.

BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG NƯỚC
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)